

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐBT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 23/09/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CLO+RP3+TD3	7:25	7+9+6	0+0+0		0+4+12	0+0+0	
2		P3+P5+TTC3	7:25	8+1+13	0+0+0		1+0+0	0+0+0	chuyen 4 p5-ttc3
3		PPD+CTK3+BK20	9:25	19+0+3	0+0+0		2+0+0	0+0+0	chuyen 2 ctk3-bk20
4		PPD+P8+TTC3	9:25	19+2+0	0+0+0		0+2+13	0+0+0	
5		BK10+P2+CLO	11:25	6+15+0	0+0+0		0+0+6	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/ Đi về trong ngày TTC3-13 ng, CLO-6ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/09/2024	TO: CLO - RP3 - TD3	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: TUYỀN - SON - THỤ	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐẶNG DUY LỸ	CLO	53-54	2	6			67	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN AN BÌNH	CLO						70	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU VÂN	CLO	49	1	2			76	D-HANH	Vietnamese
4	PHẠM VĂN HIỆU	CLO						71	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU LONG	CLO	52	1	4			64	KHOAN	Vietnamese
6	KARAVKA I	CLO	51	1	2			115	KHOAN	Russian
7	TRẦN CÔNG THIÊN	CLO						80	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYỄN QUỐC BIỂU	RP3	15-16	2	14	2	22	65	CODIEN	Vietnamese
9	CAO XUAN DUNG	RP3	14	1	13			73	CODIEN	Vietnamese
10	TẠ QUANG CƯỜNG	RP3	07-08	2	16			79	XAYLAP	Vietnamese
11	THỊNH VIỆT HÙNG	RP3	11-12	2	17			74	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN THĂNG	RP3	13-14	2	15	3	46	62	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ VĂN QUÂN	RP3	03-04	2	13			70	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN KHÁC SƠN	RP3	05-06	2	20			62	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ THẾ LONG	RP3	02	1	18			75	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐỒNG XUAN THAI	RP3	09-10	2	9			73	PSV	Vietnamese
17	HOANG VAN TUNG	TD3	61	1	8			74	KH-THAC	Vietnamese
18	VÔ HOÀNG TIẾN	TD3	68	1	15			78	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN LỘC	TD3	67	1	8			62	XAYLAP	Vietnamese
20	NGO TRUNG KIEN	TD3	62-63	2	2			78	XAYLAP	Vietnamese
21	DUƠNG VĂN NGUYỄN	TD3	66	1	10			65	XAYLAP	Vietnamese
22	HÀ ANH TUÂN	TD3	64-65	2	14			61	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CLO	7	543	5	14	0	0	0		
2	RP3	9	633	16	135	5	68	4		
3	TD3	6	418	8	57	0	0	12		
TOTAL		22	1.594	29	206	5	68	16		
WEIGHT KG			1.594		206		68			

GRAND TOAL: 1.868 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/09/2024	TO: P3 - P5 - TTC3	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - N.CUÔNG - VŨ	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	P3	01,32	2	10			50	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
2	ĐẶNG QUỐC PHONG	P3	65	1	10			70	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN LONG	P3	62	1	5			80	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
4	BUI VĂN HÀ	P3	63-64	2	10			67	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
5	ĐẶNG HAI ĐUÔNG	P3	66	1	10			67	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU THẮNG	P3	59	1	11			74	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
7	NGUYỄN CANH TU	P3	60-61	2	12			55	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
8	NGUYỄN BA THẮNG	P3	67	1	11			50	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
9	ĐINH VĂN LƯU	P5	51	1	5			54	PSV	Vietnamese
10	BELENKO	TTC3	76	1	3			97	D-HANH	Russian
11	ANDREEV	TTC3	77	1	4			100	D-HANH	Russian
12	LÊ HỒNG ĐẠI	TTC3	78	1	3			75	D-HANH	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC NAM	TTC3	81	1	3			78	D-HANH	Vietnamese
14	NGUYỄN ANH TUẤN	TTC3	79	1	3			70	D-HANH	Vietnamese
15	ĐO HỒNG SƠN	TTC3	80	1	3			70	D-HANH	Vietnamese
16	BAMBUROV	TTC3						98	KH-THAC	Russian
17	PASHCHANOV	TTC3	83	1	3			108	KH-THAC	Russian
18	KRAPIVKA	TTC3						90	KH-THAC	Russian
19	TRẦN VINH PHƯƠNG	TTC3	75	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ MINH PHƯƠNG	TTC3	82	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
21	HOÀNG ĐÌNH QUÊ	TTC3	84-85	2	10			88	KH-THAC	Vietnamese
22	TARGANOV	TTC3						92	ANTOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P3	8	513	11	79	0	0	1		
2	P5	1	54	1	5	0	0	0+4		CHUYEN 04 PAX TU P5 - TTC3
3	TTC3	13	1.106	11	40	0	0	0		
TOTAL		22	1.673	23	124	0	0	1		
WEIGHT KG			1.673		124		0			

GRAND TOAL: 1.797 KGS

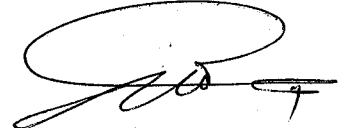
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/09/2024	TO: PPD - CTK3 - BK20	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: TUYỀN - SƠN - THỤ	ETA: 11:40
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	DƯƠNG HỮU THUẬN	PPD	98	1	10			66	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYEN TUAN DAT	PPD	77	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐINH THẾ QUÂN	PPD	96	1	3			68	KHI	Vietnamese
4	TRẦN VĂN DŨNG	PPD						77	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN VAN NAM	PPD						65	KHI	Vietnamese
6	TRƯƠNG HAI HÀ	PPD	80	1	5			70	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN TAT KHANH	PPD	78	1	8			70	KHI	Vietnamese
8	LÊ THANH TRUNG	PPD	92	1	4			65	KHI	Vietnamese
9	VŨ MẠNH HÙNG	PPD	90	1	4			72	KHI	Vietnamese
10	PHẠM TÀI	PPD	91	1	10			75	KHI	Vietnamese
11	PHẠM HAI QUANG	PPD	94	1	4			70	KHI	Vietnamese
12	TRẦN ĐỨC DUY	PPD	95	1	7			70	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN HUU HAO	PPD	97	1	5			79	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN NGOC KHUYEN	PPD	93	1	4			75	KHI	Vietnamese
15	TRẦN BÌNH ĐỨC	PPD	79	1	6			70	KHI	Vietnamese
16	CAO VĂN GIÁP	PPD	83-84	2	17			81	XAYLAP	Vietnamese
17	VŨ NG. MINH PHƯỚC	PPD	500,99	2	20			74	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN BA DONG	PPD	81-82	2	10			66	XAYLAP	Vietnamese
19	HÀ THIÊN HUỆ	PPD	85-86	2	16			62	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ NGỌC HIỆP	BK20	95-96	2	18	1	6	80	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYEN XUAN DAT	BK20	94	1	10			76	CODIEN	Vietnamese
22	HOANG MINH HUNG	BK20	74	1	7			68	NHATHAU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	PPD	19	1.345	21	140	0	0	2		
2	CTK3	0	0	0	0	3	60	0 + 2		CHUYEN 2 PAX CTK3-BK20
3	BK20	3	224	4	35	1	6	0		
TOTAL		22	1.569	25	175	4	66	2		
WEIGHT KG			1.569		175		66			

GRAND TOAL: 1.810 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

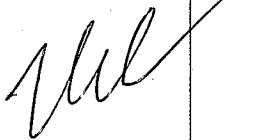
DATE: 23/09/2024		TO: PPD - P8 - TTC3				AIRCRAFT: 428			ETD: 09:55		
FLIGHT: 4		FROM: VT				CREW: VTHẮNG - N.CƯỜNG - VŨ			ETA: 11:45		
CAM-2											
No.	PAX.NAME		OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
							PCS	Kg			
1	ĐẶNG THANH BÌNH		PPD	33-34	2	19			67	XAYLAP	Vietnamese
2	ĐỖ VĂN HOÀNG		PPD	24-25	2	8			68	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN TRUNG KIẾN		PPD	46-47	2	19			60	XAYLAP	Vietnamese
4	PHẠM ANH QUAN		PPD	41-42	2	15			65	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN HỮU MINH		PPD	31-32	2	13			81	XAYLAP	Vietnamese
6	CU THẾ CẢNH		PPD	29-30	2	10			59	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ THANH LẠC		PPD	50	1	9			57	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐÌNH SƠN		PPD	35-36	2	19			75	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ TRI HAI		PPD	39-40	2	16			70	XAYLAP	Vietnamese
10	PHẠM VĂN CÔNG		PPD	48-49	2	19			76	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐÀO TRUNG KIẾN		PPD	44	1	10	1	15	76	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐÌNH HÙNG		PPD	37-38	2	19			74	XAYLAP	Vietnamese
13	VŨ XUÂN HỒI		PPD	43	1	15			74	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ VĂN DŨNG		PPD	13,16	2	10			68	KHI	Vietnamese
15	DOÀN VIỆT ĐIỆP		PPD	17	1	5			62	KHI	Vietnamese
16	ĐINH VĂN BIÊN		PPD	26-28	3	19			76	KHI	Vietnamese
17	CẦN ANH TUÂN		PPD	21-22	2	9			65	KHI	Vietnamese
18	PHẠM TÂN MỸ		PPD	19-20	2	9	1	20	81	KHI	Vietnamese
19	TRẦN MINH ĐẠT		PPD	15	1	8			70	CO DIEN	Vietnamese
20	ĐỖ ANH TUÂN		P8	27	1	10			72	THIEN NAM	Vietnamese
21	HỒ XUÂN TUYẾN		P8	26	1	4			73	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	PPD	19	1.324	34	251	2	35	0		
2	P8	2	145	2	14	0	0	5		
3	TTC3	0	0	0	0	0	0	13		
TOTAL		21	1.469	36	265	2	35	18		
WEIGHT KG			1.469		265		35			

GRAND TOAL: 1.769 KGS

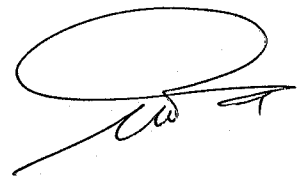
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/09/2024	TO: BK10 - P2 - CLO	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:10
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: DUONG - N.ANH - NNAM	ETA: 13:45
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HOANG BA NAM	BK10	78-79	2	18	2	20	63	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN KHAC THEP	BK10	80	1	12	2	30	57	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN NGOC QUAN	BK10	85-86	2	12			55	XAYLAP	Vietnamese
4	BUI DINH THO	BK10	76-77	2	18			74	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐANG SY AN	BK10	83	1	10	1	15	63	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐAO VAN HOAN	BK10	81-82	2	20			68	XAYLAP	Vietnamese
7	LE VAN VUONG	P2	33-34	2	20			75	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG ĐUC LINH	P2	23-25	3	12			67	KH-THAC	Vietnamese
9	VU THANH LONG	P2	37	1	7			78	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN ĐANG TUAN	P2	32	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
11	DUONG VAN THUAN	P2	36	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
12	LUU VAN DIEP	P2	40	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐANG TRONG THAO	P2	39	1	9			71	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐOAN KHAC CAN	P2	41	1	11			63	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN DINH DAI	P2	35	1	12			72	KH-THAC	Vietnamese
16	DUONG HOANG HIEU	P2	38	1	6			76	KH-THAC	Vietnamese
17	LE VAN DONG	P2	28-29	2	20			60	XAYLAP	Vietnamese
18	PHAN DINH HUNG	P2	30	1	10	1	15	72	XAYLAP	Vietnamese
19	LE DOAN HAI	P2	26	1	10	1	16	62	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN TIEN TEO	P2	42	1	5			59	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE							ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
				PCS	W	PCS	W				
1	BK10	6	380	10	90	5	65	6			
2	P2	14	967	18	136	2	31	0			
3	CLO	0	0	0	0	0	0	6			
TOTAL		20	1.347	28	226	7	96	12			
WEIGHT KG			1.347		226		96				

GRAND TOAL: 1.669 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 24/09/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		C10+RC3+CTC1	7:25	22+0+0	0+0+0		21+0+0	0+0+0	CHUYEN 2 RC3-CTC1
2		BK4+TD1+P10	9:25	2+17+2	0+0+0		0+15+7	0+0+0	
3		P7+TD1+TD5	11:25	7+8+6	0+0+0		0+7+0	0+0+0	CHUYEN 1 P7-TD5
4		T.UNG	11:25	19	0		14	0	

TTDBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/09/2024	TO: CLO - RC3 - CTC1	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO - HIEU	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	SUKHOMLIN IGOR	CLO	21	1	6			125	KHOAN	Russian
2	PHAN QUANG HIEN	CLO	39	1	10			66	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN MANH HUNG	CLO	33	1	15			79	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN VAN LUC	CLO	47	1	5			58	KHOAN	Vietnamese
5	DO TRUONG GIANG	CLO	30	1	14			78	KHOAN	Vietnamese
6	BUI TRUONG SINH	CLO	41	1	3			72	KHOAN	Vietnamese
7	VU MANH HUNG	CLO	19-20	2	13			71	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN HUU THANG	CLO	23	1	5			65	KHOAN	Vietnamese
9	NIKITIN NIKOLAI	CLO	29	1	9			89	ANTOAN	Russian
10	TRUONG HUU PHUOC	CLO	34,46	2	6			64	YTE	Vietnamese
11	ĐINH NGOC GIANG	CLO	35	1	5	1	10	75	KHOAN	Vietnamese
12	BUI XUAN DUY	CLO	48	1	4			66	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN QUANG TIEN	CLO	31-32	2	5			72	KHOAN	Vietnamese
14	ĐINH XUAN PHU	CLO	22	1	8			73	KHOAN	Vietnamese
15	BUI TRAN NAM	CLO	42,45	2	17			68	KHOAN	Vietnamese
16	BUI QUANG MANH	CLO	28	1	8			69	KHOAN	Vietnamese
17	PHAM TAT LUC	CLO	26-27	2	9			65	KHOAN	Vietnamese
18	ĐANG QUOC DAT	CLO	36	1	11			78	DVL	Vietnamese
19	TRAN BA DEC	CLO	37-38	2	14			86	DVL	Vietnamese
20	NGUYEN HUU VIET	CLO	40	1	13			58	DVL	Vietnamese
21	LE PHU PHUC	CLO	43	1	8			82	DVL	Vietnamese
22	HA VU QUANG	CLO	24-25	2	7			70	DANG KIE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CLO	22	1.629	29	195	1	10	19		
2	RC3	0	0	0	0	0	0	1 + 2		CHUYEN 02 PAX TU RC3-CTC1.
3	CTC1	0	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	1.629	29	195	1	10	20		
WEIGHT KG			1.629		195		10			

GRAND TOAL: 1.834 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/09/2024	TO: BK4 - TD1 - P10	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO - HIEU	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN MANH HUNG	BK4	67-68	2	20			92	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN QUOC TAI	BK4	69-70	2	21			74	XAYLAP	Vietnamese
3	DO MINH DUNG	TD1	61	1	8			66	KHOAN	Vietnamese
4	VU VAN QUY	TD1	55	1	3			56	KHOAN	Vietnamese
5	TRINH HUY TOAN	TD1	53	1	4			63	KHOAN	Vietnamese
6	THAI DUC TOAN	TD1	62-63	2	9			60	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG NGOC SON	TD1	57	1	3			57	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN GIANG	TD1	46	1	3			66	KHOAN	Vietnamese
9	LUU THIEN DUC	TD1	50	1	5			65	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN DUNG	TD1	48	1	15			65	ANTOAN	Vietnamese
11	HO VAN HAU	TD1	51	1	6			62	KHOAN	Vietnamese
12	HOANG TUAN ANH	TD1	59	1	13			77	KHOAN	Vietnamese
13	DUONG MINH DUC	TD1	58	1	4			69	KHOAN	Vietnamese
14	PHAM MINH TRON	TD1	54	1	12			69	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN THANH LUAN	TD1	60	1	7	1	28	78	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN SY TUAN	TD1	49	1	15	4	80	67	DVL	Vietnamese
17	LUONG MANH HAI	TD1	56	1	13			76	DVL	Vietnamese
18	DUONG THE DUC	TD1	52	1	13			80	DVL	Vietnamese
19	NGUYEN NGOC SON	TD1	64	1	5			70	DVL	Vietnamese
20	NGUYEN DUC MANH	P10	31	1	10	2	25	66	KH-THAC	Vietnamese
21	LE ANH TUAN	P10	33	1	17			70	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK4	2	166	4	41	0	0	0		
2	TD1	17	1.146	18	138	5	108	15		
3	P10	2	136	2	27	2	25	7		
TOTAL		21	1.448	24	206	7	133	22		
WEIGHT KG			1.448		206		133			

GRAND TOAL: 1.787 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/09/2024		TO: P7 - TD1 - TD5				AIRCRAFT: 428			ETD: 12:10		
FLIGHT: 3		FROM: VT				CREW: LINH - ĐNAM - VŨ			ETA: 14:00		
TRANG-3											
No.	PAX.NAME		OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
							PCS	Kg			
1	ĐẶNG HỮU MẠNH		P7	77-78	2	18			73	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
2	TRANG NGỌC NAM		P7	73-74	2	15			72	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
3	HOANG CAO CUÔNG		P7	72	1	10			68	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
4	TRƯƠNG MINH THÈ		P7	75-76	2	12			58	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC BÌNH		TD1	32	1	15			70	DVL	Vietnamese
6	PHẠM TUNG VY		TD1	34	1	15			68	DVL	Vietnamese
7	PHẠM VĂN TƯỜNG		TD1	41	1	12			83	DVL	Vietnamese
8	PHẠM XUÂN HUNG		TD1	31	1	11			70	DVL	Vietnamese
9	VŨ VĂN MINH		TD1	35-36	2	14			65	XAYLAP	Vietnamese
10	HOANG VAN NAM		TD1	39-40	2	18			59	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN TRỌNG DUƠNG		TD1	37-38	2	15			75	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐÀU VIỆT BẮC		TD1	33	1	4			76	PSV	Vietnamese
13	TRUÔNG QUỐC THANG		TD1	27-28	2	20			82	DIA VLY	Vietnamese
14	TRUONG MINH KHANH		TD1	26	1	15			72	DIA VLY	Vietnamese
15	BAN PHUC LONG		TD1	29	1	10			72	DIA VLY	Vietnamese
16	PHUNG NGUYEN NGOC		TD5	15	1	4			90	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM HỮU HUÂN		TD5	14	1	13			64	KHOAN	Vietnamese
18	ĐOÀN VĂN KHUU		TD5	09	1	7			62	KHOAN	Vietnamese
19	LÊ NGỌC LUÂN		TD5	08	1	17			67	KHOAN	Vietnamese
20	WASAN THONGDANG		TD5	11-12	2	15	1	7	95	PVD TRAIN	Thailand
21	MYINT AUNG		TD5	10	1	14			71	PVD TRAIN	Myanmar

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P7	4	271	7	55	0	0	0	1	CHUYEN 1 PAX P7-TD5
2	TD1	11	792	15	149	0	0	8		
3	TD5	6	449	7	70	1	7	1		
TOTAL		21	1.512	29	274	1	7	9		
WEIGHT KG			1.512		274		7			

GRAND TOAL: 1.793 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/09/2024	TO: T.UNG	AIRCRAFT: 619	ETD: 11:30
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: MMINH - ĐTRUNG	ETA: 14:40
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VU MINH ĐỨC	T.UNG	58	1	7	1	16	91	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐO VĂN TRƯỜNG	T.UNG	66	1	17			62	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN NGỌC ĐẠO	T.UNG	67	1	15			60	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUỐC HÙNG	T.UNG	59	1	8			70	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN NAM THẮNG	T.UNG	68	1	12			103	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM CÔNG NGHIỆP	T.UNG	60-61	2	16			64	XAYLAP	Vietnamese
7	LE XUAN TUNG	T.UNG	54	1	9	1	16	75	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU QUANG	T.UNG	64	1	10	1	12	61	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG HÙNG	T.UNG	62-63	2	15			62	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH TUÂN	T.UNG	56	1	9			72	XAYLAP	Vietnamese
11	TÔNG VĂN ĐỨC	T.UNG	69-70	2	12	6	60	68	XAYLAP	Vietnamese
12	LÀ TUÂN LINH	T.UNG	76	1	9			67	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT LỘC	T.UNG	72-73	2	16			59	XAYLAP	Vietnamese
14	HOÀNG NGỌC HOÀI	T.UNG	78	1	15			63	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ ANH CƯỜNG	T.UNG	74	1	10	1	11	74	XAYLAP	Vietnamese
16	PHẠM TÙNG DƯƠNG	T.UNG	71	1	6			76	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN HUÂN	T.UNG	79	1	13			81	XAYLAP	Vietnamese
18	ĐO NHẬT QUI	T.UNG	77	1	12			64	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	T.UNG	18	1.272	22	211	10	115	104		
TOTAL		18	1.272	22	211	10	115	104		
WEIGHT KG			1.272		211		115			

GRAND TOAL: 1.598 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Fuel: 2150 Kg (Nghĩa)